

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TH2 PHỐ CHÂU ĐỐC
TỈNH A G**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án S: 04/ 2019/HS-ST

Ngày: 26- 02 - 2019

**NHÂN DẠH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TH2 PHỐ CHÂU ĐỐC**

- Th2 phân Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn QuAg Chân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần ThAh Huy;

2. Bà Ngô Thị Lệ Thi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Phát Huy, thư ký Tòa án nhân dân Th2 phố Châu Đốc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Th2 phố Châu Đốc tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hoàng- Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 02 năm 2019 tại Tòa án nhân dân Th2 phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý S: 02/2019/TLST-HS ngày 05 tháng 01 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử S: 05/2019/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 02 năm 2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Hoàng V (V Heo), sinh năm 1979 tại: Châu Đốc – A G; nơi cư trú: tổ 4, khóm Q, phường C, Th2 phố D, tỉnh A G; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn K và bà Huỳnh Thị Đ; có vợ đã ly hôn có 01 con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị tạm giam từ ngày 28/11/2018 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại:

- Ông Hiêm R, sinh năm 1996; nơi cư trú: ấp H, xã P, huyện A, tỉnh A G, vắng mặt;

- Ông Phạm Th2 Th, sinh năm 1987, nơi cư trú: tổ 5, khóm C, phường B, Th2 phố D, tỉnh A G, vắng mặt;

- Ông Trịnh Thái A, sinh năm 1980; nơi cư trú: tổ 9, khóm F, phường H, Th2 phố D, tỉnh A G, vắng mặt;

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Ông Yak Ph, sinh năm 1995; nơi cư trú: ấp H, xã P, huyện A, tỉnh A G, vắng mặt;
- Ông Phạm Th2 Th1, sinh năm 1982; nơi cư trú: tổ 8, khóm H, phường C, Th2 phố D, tỉnh A G, vắng mặt;
- Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1970; nơi cư trú: tổ 4, khóm F, phường H, Th2 phố C, tỉnh A G, vắng mặt;
- Ông Nguyễn Văn Th2, sinh năm 1972; nơi cư trú: khóm F, phường H, Th2 phố C, tỉnh A G, vắng mặt;
- Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1955; nơi cư trú: tổ 4, khóm Q, phường C, Th2 phố D, tỉnh A G, có mặt;
- Bà Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1968; nơi cư trú: tổ 9, khóm T, phường J, Th2 phố D, tỉnh A G, vắng mặt.

Người làm chứng:

- Ông Trương Văn Đ, sinh năm 1979; nơi cư trú: tổ 2, khóm B, phường M, Th2 phố D, tỉnh A G, vắng mặt;
- Ông Nguyễn Minh G, sinh năm 1993; nơi cư trú: tổ 2, khóm B, phường M, Th2 phố D, tỉnh A G, vắng mặt;
- Bà Nguyễn Thị Ngọc D, sinh năm 1953; nơi cư trú: tổ 9, khóm F, phường H, Th2 phố D, tỉnh A G, vắng mặt;
- Ông Đỗ Tấn H, sinh năm 1980; nơi cư trú: tổ 4, khóm L, phường K, Th2 phố D, tỉnh A G, vắng mặt;

Người phiên dịch:

Ông Du S, sinh năm 1990; là Phó chủ tịch UBMTTQ xã P, huyện A Ph, tỉnh A G, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ ngày 02/4/2018 đến ngày 08/4/2018, Nguyễn Hoàng V dùng thủ đoạn giA dối, chiếm đoạt tài sản của nhiều người khác nhau đem sAg Gò Tà Mâu, Vương quốc Campuchia, cầm cố, dùng vào việc đánh bạc, cụ thể:

Vụ 1: Khoảng 07 giờ ngày 02/4/2018, thông qua quA hệ quen biết, V gặp Hiêm R, nói dối, kêu đưa xe mô tô biển S 67G1-367.37, để làm thủ tục thi giấy phép lái xe; tưởng thật, Hiêm R, giao xe mô tô, V nhờ Nguyễn Văn T cầm cố, được 15.000.000 đồng, dùng đánh bạc, thua hết.

Vụ 2, 3: Khoảng 10 giờ ngày 04/4/2018, V nói dối, chiếm đoạt của Phạm Th2 Th 01 xe mô tô, biển S 67M5-8537, nhờ Nguyễn Văn T cầm cố, được

8.000.000 đồng, dùng đánh bạc, thua hết. Khoảng 15 giờ cùng ngày, V nói dối, chiếm đoạt xe mô tô, không rõ biển S của Hiêm R, đem cầm cố cho Nguyễn Văn Th2, được 8.000.000 đồng, dùng đánh bạc, thua hết.

Vụ 4: Khoảng 14 giờ ngày 08/4/2018, V nói dối, chiếm đoạt xe mô tô, biển S 67N7 – 7276 của Trịnh Thái A, nhờ Nguyễn Văn T cầm cố cho Nguyễn Thị Ng, được 10.000.000 đồng, V đánh bạc thua hết.

Vật chứng thu giữ: 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại FUTURE, màu sơn Đ –xám, biển S 67N7 – 7276 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mAg tên Trịnh Thái A.

Căn cứ các Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự S 129, 130, 131, 216/KL-ĐG ngày 23/4/2018, 03/8/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Th2 phố Châu Đốc, ghi nhận:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại SIRIUS F1, màu sơn trắng – Đ, biển S 67G1 – 367.37, trị giá 14.000.000 đồng (của Hiêm R);

- 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại WAVE RS, màu sơn đỏ - Đ, không rõ biển S, trị giá 10.000.000 đồng (của Hiêm R);

- 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại WAVE RS, màu sơn đỏ - Đ, biển S 67M5 – 8537, trị giá 8.000.000 đồng (của Phạm Th2 Th);

- 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại FUTURE – Neo, màu sơn Đ – xám, biển S 67N7– 7276, trị giá 14.000.000 đồng (của Trịnh Thái A).

Ngày 29/6/2018, 16/7/2018 và ngày 17/8/2018 Cơ quA cảnh sát điều tra - Công A Th2 phố Châu Đốc bA hành quyết định khởi tố vụ án; Quyết định nhập vụ án hình sự S 08 ngày 27/8/2018; ngày 10/10/2018 Quyết định khởi tố bị cA và lệnh bắt tạm giam Nguyễn Hoàng V về hành vi “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1, Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại bản cáo trạng S 03/CT-VKS-CD ngày 04 tháng 01 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân Th2 phố Châu Đốc, tỉnh A G đã truy tố bị cáo Nguyễn Hoàng V về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1, Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa,

- Bị cáo khai nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng truy tố. Bị cáo không có ý kiến trAh luận với lời luận tội của Kiểm sát viên và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

- Kiểm sát viên trình bày lời luận tội: Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Cụ thể: phù hợp với vật chứng thu giữ; kết luận định giá tài sản; lời khai những người bị hại Hiêm R, Phạm Th2 Th, Trịnh Thái A; người làm chứng, liên quA Trương Văn Đ, Nguyễn Minh G, Nguyễn Thị Ngọc D, Đỗ Tấn H, Nguyễn Thị Ng, Yak Ph, Phạm Th2 Th1, Nguyễn Văn

T, Nguyễn Văn Th2, Nguyễn Văn K cùng với các tài liệu chứng cứ khác thu thập trong quá trình điều tra và kiểm chứng tại phiên tòa hôm nay.

Từ những chứng cứ nêu trên có đủ căn cứ để chứng minh bị cáo đã có hành vi dùng thủ đoạn giA dối, chiếm đoạt tài sản của người khác, sử dụng vào mục đích đánh bạc. Tổng cộng bị cáo đã chiếm đoạt 04 xe mô tô của 03 người với tổng trị giá tài sản chiếm đoạt 46.000.000 đồng. Do đó, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu Th2 tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Th2 phố Châu Đốc truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Tài sản của công dân do công sức lao động và tích lũy trong quá trình sản xuất lao động của họ mới có được, nên luôn được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm đến tài sản của người khác một cách bất hợp pháp, dưới bất kỳ hình thức nào đều phải được phát hiện kịp thời và xử lý nghiêm minh.

Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo V là người đã trưởng Th2, có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật và sẽ trừng trị, đáng lẽ bị cáo phải lo chí thú làm ăn để nuôi Sng bản thân, tạo ra của cải vật chất cho gia đình và xã hội, nhưng bị cáo không làm được điều đó, mà trái lại chỉ vì lòng tham muốn có tiền đánh bạc nhưng không muốn lao động chính, bị cáo đã bất chấp pháp luật, đã 04 lần dùng thủ đoạn giA dối để chiếm đoạt tài sản của Hiem R, Phạm Th2 Th, Trịnh Thái A, tổng trị giá tài sản chiếm đoạt 46.000.000 đồng.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, được thực hiện với lỗi cố ý, thể hiện sự xem thường pháp luật, không những trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, mà còn gây mất trật tự trị A ở địa phương, gây T lý lo sợ bị mất tài sản trong nhân dân. Do đó, cần phải có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung trong xã hội.

Về nhân thân: bị cáo không có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo V 04 lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác, mỗi lần thực hiện hành vi đều đủ yếu tố cấu Th2 tội phạm, do đó bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên”, quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thuộc Th2 phần nhân dân lao động; hiểu biết pháp luật có phần hạn chế; trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo Th2 khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình; bị cáo đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho những người bị hại để khắc phục hậu quả.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1, Điều 174, các điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, điểm g, khoản 1, Điều 52 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù, về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Về hình phạt bổ sung, do bị cáo không có nghề nghiệp, có hoàn cảnh khó khăn, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng, áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên giao trả xe mô tô và giấy chứng nhận đăng ký xe mAg tên Trịnh Thái A lại cho ông A.

Về trách nhiệm dân sự: Những người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

Đối với: T, Th2, Ng giới thiệu giao dịch cầm các xe mô tô, không biết phạm tội mà có, tuy không xử lý nhưng cần giáo dục công khai tại phiên tòa.

Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- *Về tố tụng:*

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên; Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng. Mặc dù, đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng tại phiên tòa, bị hại, một S người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và những người làm chứng vắng mặt. Tuy nhiên, họ đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292, 293 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 quyết định vẫn tiến hành xét xử.

- *Về nội dung:*

[3] Hành vi phạm tội:

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận, do cần tiền đánh bạc, khoảng 07 giờ ngày 02/4/2018, bị cáo lừa đảo chiếm đoạt của Hiêm R 01 xe mô tô biển S 67G1-367.37, sau đó nhờ Nguyễn Văn T cầm cố được 15.000.000 đồng; khoảng 10 giờ ngày 04/4/2018, bị cáo tiếp tục lừa đảo chiếm đoạt của Phạm Th2 Th 01 xe mô tô biển S 67M5-8537, sau đó nhờ Nguyễn Văn T cầm cố được 8.000.000 đồng; khoảng 15 giờ cùng chiếm đoạt xe mô tô không rõ biển S của Hiêm R đem cầm cố cho Nguyễn Văn Th2 được 8.000.000 đồng; khoảng 14 giờ ngày 08/4/2018, lừa đảo chiếm đoạt 01 xe mô tô biển S 67N7-7276 của Trịnh Thái A,

nhờ Nguyễn Văn T cầm cố được 10.000.000 đồng; tiền cầm cố 04 chiếc xe mà bị cáo lừa đảo chiếm đoạt được dùng để đánh bài nhưng thua hết.

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra, truy tố, phù hợp vật chứng thu giữ, kết luận định giá và phù hợp với lời khai của những người bị hại, những người tham gia tố tụng khác như:

- Bị hại Hiêm R khai: Khoảng 9 giờ, ngày 02/4/2018 V có hỏi mượn xe mô tô Sirius F1 màu trắng biển S 67G1-367.37 và giấy chứng nhận đăng ký xe để V đi A Phú lo thủ tục giấy tờ thì giấy phép lái xe cho bị hại, đến 12 giờ cùng ngày, V nói trong lúc điều khiển xe mô tô của bị hại đi A Phú thì va vệt nên bị Cảnh sát giao thông huyện A Phú giữ xe. Sau đó, ngày 04/4/2018 V tiếp tục mượn 01 xe mô tô biển S 67G1-367.37 của bị hại với lý do đi lo thủ tục xin nhận lại xe mô tô biển S 67G1-367.37 cho bị hại, đến 21 giờ cùng ngày không thấy V quay lại, bị hại Hiêm R biết mình bị lừa nên đã trình báo Công An phường Vĩnh Mỹ. Hiêm R đã nhận được tiền bồi thường nên không có yêu cầu bị cáo tiếp tục bồi thường.

- Bị hại Phạm Th2 Th khai: Ngày 04/4/2018, V nói dối với Th mượn xe đi công chuyện đã chiếm đoạt của bị hại 01 xe mô tô loại Honada Wave RS màu đỏ biển S 67M5-8537 của Ah Phạm Th2 Th1 do bị hại mượn để đưa con đi học. Th đã nhận được tiền bồi thường nên không có yêu cầu bị cáo tiếp tục bồi thường.

- Bị hại Trịnh Thái A khai, khoảng 14 giờ 30 phút ngày 08/4/2018, sau khi điện thoại hẹn bị hại đến quán cà phê trước cổng trường tiểu học Lê Lợi, V lừa đảo để chiếm đoạt của bị hại 01 xe mô tô Honda Future biển S 67N7-7276. Tuy nhiên, sau khi chiếm đoạt của V là ông Kim có bồi thường thiệt hại cho A thông qua mẹ của A 10.000.000 đồng. Tuy nhiên, trước khi phiên tòa diễn ra mẹ ruột của A bà Duyên đã giao trả lại cho ông Kim 10.000.000 đồng. Do đó, A chỉ yêu cầu được nhận lại xe mô tô nhãn hiệu Honda, màu Đ – xám, biển S 67N7-7276, S khung 603607, S máy 2707010 đã qua sử dụng và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô 67N7-7276, mAg tên chủ xe Trịnh Thái A và không có ý kiến yêu cầu nào khác.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn K khai: Tôi là cha ruột của Nguyễn Hoàng V. Sau tết nguyên đán năm 2018, V bỏ nhà đi cho đến đầu tháng 4/2018 tôi mới hay tin V lừa gạt nhiều người lấy xe mô tô. Tôi có đứng ra bồi thường cho những người V lừa lấy xe cụ thể bà Duyên mẹ ruột của A 10.000.000 đồng và tôi có bỏ tiền ra chuộc xe mô tô biển S 67N7 – 7276 giao nộp theo yêu cầu của Cơ quan Công An điều tra Th2 phố Châu Đốc. Trước khi phiên tòa diễn ra bà Duyên đã giao trả cho tôi 10.000.000 đồng mà tôi đã thay V bồi thường nên tôi không có ý kiến và yêu cầu nào khác và cũng không yêu cầu V phải trả lại cho tôi S tiền mà tôi đã bồi thường cho các bị hại.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Yak Ph khai: Ông Ph có cho ông Hiêm R mượn xe mô tô (loại Wave RS, màu đỏ không nhớ biển S). Sau đó, R có nói với Ph là xe mượn của Ph đã bị V lừa gạt lấy đi. Ông Ph khai thêm

xe mô tô này ông mua vào năm 2016 với giá 18.500.000 đồng, do ít sử dụng nên không nhớ biển S xe. Ông Yak Ph đã nhận được tiền bồi thường không yêu cầu bị cáo tiếp tục bồi thường và yêu cầu nào khác.

Từ các căn cứ nêu trên, có cơ sở xác định, bị cáo đã dùng thủ đoạn giA dối nhằm đánh lừa người bị hại để chiếm đoạt 04 xe mô tô với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt theo Bản kết luận định giá tài sản S 129, 130, 131, 216/KL – ĐG ngày 23/4/2018, 03/8/2018 là 46.000.000 đồng.

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác bằng thủ đoạn giA dối là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu Th2 tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo ra trước phiên tòa và lời buộc tội là có căn cứ, đúng người, đúng tội và phù hợp với quy định của pháp luật.

Quyền sở hữu là một trong những quyền cơ bản của mỗi công dân được pháp luật ghi nhận và bảo vệ. Những ai xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác sẽ bị áp dụng chế tài nghiêm khắc nhất là hình phạt. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác mà còn gây mất trật tự trị A tại địa phương. Chỉ vì mục đích có tiền đánh bạc, thỏa mãn nhu cầu bản thân bị cáo đã sử dụng thủ đoạn giA dối để chiếm đoạt tài sản của người khác. Xét, cách ly bị cáo khỏi đời Sng xã hội trong một thời giA nhất định để đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm.

[4] Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng: “ Phạm tội 02 lần trở lên” được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thuộc Th2 phần nhân dân lao động; hiểu biết pháp luật có phần hạn chế; trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo Th2 khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình; bị cáo đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho những người bị hại để khắc phục hậu quả. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung, do bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập nên không áp dụng đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

Đối với vật chứng là 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại FUTURE, màu sơn Đ – xám, biển S 67N7-7276 đã qua sử dụng do ông Trịnh Thái A là chủ sở hữu và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô 67N7-7276, mAg tên chủ xe Trịnh Thái A. Ông A có yêu cầu được nhận lại tài sản, xét giao trả lại cho ông A.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Những người bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu bồi thường nên không đề cập giải quyết.

Đối với: T, Th2, Ng giới thiệu giao dịch cầm các xe mô tô, không biết V phạm tội mà có, tuy không xử lý nhưng cần giáo dục công khai tại phiên tòa.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 174; các điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Hoàng V (V Heo) phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”;

Xử phạt: Nguyễn Hoàng V (V Heo): 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính kể từ ngày bị bắt tạm giam 28/11/2018 (ngày hai mươi tám, tháng mười một, năm hai nghìn không trăm mười tám).

Căn cứ Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự.

Giao trả cho ông Trịnh Thái A: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA, màu Đ – xám, biển S 67N7-7276, S khung 603607, S máy 2707010 đã qua sử dụng và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô 67N7-7276, mAg tên chủ xe Trịnh Thái A do Phòng cảnh sát giao thông Công An tỉnh A G cấp ngày 12/12/2008.

(Theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 20/12/2018 giữa Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công An Th2 phố Châu Đốc với Chi cục Thi hành án dân sự Th2 phố Châu Đốc).

Áp dụng Điều 135, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết S 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Nguyễn Hoàng V phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, ông Kim có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh A G xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của những người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện KSND Th2 phố (2);
- Tòa án nhân dân tỉnh (1);
- Sở Tư pháp (1);
- Nhà Tạm giữ (2);
- Phòng hồ sơ (1);
- Thi hành án DS Th2 phố (1);
- Bộ phận THA Tòa án (1);
- UBND cấp xã nơi BC cư trú (1);
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn QuAg Chân